

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2008	Lũy kế từ đầu năm
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		150,452,839,126	529,400,563,085
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,442,273,539	2,893,844,970
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(19)	149,010,565,587	526,506,718,115
4.	Giá vốn hàng bán	11		114,892,403,488	404,779,149,149
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34,118,162,099	121,727,568,966
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	(20)	4,324,987,889	15,021,375,263
7.	Chi phí tài chính	22	(21)	23,186,296,496	60,933,633,093
	-Trong đó: lãi vay	23		21,313,339,596	51,747,396,423
8.	Chi phí bán hàng	24	(22)	2,614,022,775	14,400,236,780
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(23)	11,168,649,686	38,785,267,547
10.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1,474,181,031	22,629,806,809
11.	Thu nhập khác	31		767,495,551	3,024,630,297
12.	Chi phí khác	32		152,791,676	1,051,701,743
13.	Lợi nhuận khác	40		614,703,875	1,972,928,554
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,088,884,906	24,602,735,363
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	829,352,813
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,088,884,906	23,773,382,550
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số			54,696,593	1,936,703,157
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			2,034,188,313	21,836,679,393
18.	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			15,000,000	15,000,000
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(24)	136	1,456

Ngày 20 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc
Đã ký

ĐỖ NGỌC NAM

NGUYỄN VĂN HẬU

VÕ TRƯỜNG THÀNH